

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP (FDI) CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM GIẢI ĐOẠN 1993 – 2008

Ths. Võ Thị Thu Hà

Trường Đại học Hải Phòng

Lời mở đầu

Đầu tư quốc tế đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế thế giới hiện đại, một trong những yếu tố quan trọng nhất của quá trình toàn cầu hóa. Nó vừa là động lực thúc đẩy quá trình này, vừa chịu sự chi phối của quá trình toàn cầu hóa sâu rộng trên thế giới trong mấy thập kỷ qua. Đầu tư quốc tế chủ yếu là đầu tư tư nhân, về cơ bản được chia thành đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp¹. Đầu tư trực tiếp hay đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI – Foreign Direct Investment) thường gắn với việc xây dựng và phát triển các nhà máy, cơ sở sản xuất, tận dụng các nguồn lực giá rẻ tại nước tiếp nhận đầu tư nhằm khai thác thị trường nội địa cũng như xuất khẩu hoặc mua lại các công ty thông qua hình thức sáp nhập và chuyển giao (M&A). Do đó, FDI thường gắn bó lâu dài, mật thiết với nước tiếp nhận đầu tư và khó rút vốn ồ ạt khi chẳng may rủi ro hoặc khủng hoảng xảy ra.

Ở Việt Nam, bên cạnh nguồn vốn trong nước đóng vai trò quyết định, vốn đầu tư

nước ngoài là một trong những nguồn vốn quan trọng, trong đó FDI được coi là nguồn vốn thích hợp đối với Việt Nam². Đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện chiếm khoảng 13% GDP cả nước³.

Trong thập niên 80 và đầu thập niên 90 thế kỷ XX, dòng FDI vào Việt Nam còn nhỏ. Đến năm 1991, tổng vốn FDI ở Việt Nam mới chỉ là 213 triệu đôla Mỹ. Tuy nhiên, con số FDI đăng ký đã tăng mạnh từ 1992 và đạt đỉnh điểm vào 1996, với tổng vốn đăng ký lên đến 8,6 tỷ USD⁴. Sự gia tăng mạnh mẽ của FDI ở Việt Nam trong thời gian này là do nhiều nguyên nhân: Các nhà đầu tư nước ngoài bị thu hút bởi tiềm năng của một nền kinh tế đang trong thời kỳ chuyển đổi với một thị trường phần lớn còn chưa được khai thác; Các nhà đầu tư nước ngoài bị hấp dẫn bởi hàng loạt các yếu tố tích cực khác như lực lượng lao động dồi dào, giá nhân công rẻ và tỷ lệ biết chữ cao.

Bên cạnh những yếu tố bên trong còn có các yếu tố bên ngoài đóng góp vào việc gia

¹ Nguyễn Duy Lợi: “Đặc điểm và xu hướng phát triển của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)”, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 6 (60)/2004, tr.92.

² Phương Ngọc Thạch (2003), “Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: Tồn tại và kiến nghị”, Tạp chí Phát triển Kinh tế, tháng 10/2003, tr.12.

³ Số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁴ Nt.

tăng của FDI vào Việt Nam. *Thứ nhất*, vốn chảy dồn về các thị trường mới nổi trong những năm 80 và đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Trong các thị trường này, Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, là một điểm chính tiếp nhận FDI. Năm 1990, các nước Đông Nam Á thu hút 36% tổng dòng FDI đến các nước đang phát triển. *Thứ hai*, dòng vốn nước ngoài vào các nền kinh tế quá độ khối xã hội chủ nghĩa trước đây, nơi mà họ cho rằng đang có các cơ hội kinh doanh mới và thu lợi nhuận. *Thứ ba*, các nước mạnh trong vùng (cụ thể là Malaysia, Singapore, Thailand,...) đã bắt đầu xuất khẩu vốn. Là một nền kinh tế đang trong thời kỳ quá độ ở Đông Nam Á, Việt Nam có được lợi thế từ các yếu tố này.

Để khôi phục và phát triển kinh tế xã hội, Việt Nam đã chủ trương mở cửa nền kinh tế, thực hiện công cuộc “đổi mới” toàn diện, trong đó có việc hoàn thiện, nâng Điều lệ Đầu tư năm 1977 thành bộ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987, đã khẳng định sự đúng đắn của chủ trương, đường lối mở cửa nền kinh tế của Việt Nam. Sự ra đời của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 đã tạo môi trường pháp lý cao hơn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Trong các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam, các nhà đầu tư Pháp tỏ ra “*nhanh chân*” hơn cả.

1. Tình hình đầu tư trực tiếp của Pháp ở Việt Nam (1993- 2008)

Đầu tư trực tiếp của Pháp bắt đầu thực hiện tại Việt Nam kể từ năm 1988 (thời điểm

Việt Nam bắt đầu ban hành Luật Đầu tư nước ngoài) và không ngừng tăng lên. Nguồn vốn đầu tư từ Pháp vào Việt Nam rất đa dạng, trong đó chủ yếu là đầu tư trực tiếp dưới hình thức: các công ty liên doanh (trên 50% dự án); xây dựng vận hành chuyển giao (BOT) (gần 30% số dự án) và hình thức công ty 100% vốn nước ngoài⁵

Đầu tư của Pháp trong giai đoạn đầu (1988 - 1989) phần lớn là các dự án nhỏ, tính khả thi còn thấp. Năm 1988, con số dự án khởi đầu là 2 với tổng số vốn đầu tư là 0.2 triệu USD. Năm 1989, số dự án là 6 với tổng số vốn đầu tư là 53 triệu USD. Đến cuối năm 1992, tổng số vốn hợp tác đầu tư (FDI) của Pháp tại Việt Nam là 253.2 triệu USD, với 40 dự án được cấp phép⁶

Năm 1993, chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Pháp F. Mitterrand là dịp để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... của Pháp sang Việt Nam trực tiếp tìm hiểu cơ hội đầu tư, gặp gỡ và đàm phán với các đối tác. Chuyến thăm này tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển quan hệ song phương về nhiều mặt, đặc biệt là về hợp tác đầu tư trong thời gian tiếp theo. Theo đó, năm 1993, Pháp đã có tới 22 dự án đầu tư vào Việt Nam được cấp phép, trong đó có 20 dự án đang hoạt động với tổng số vốn đầu tư là 236 triệu USD⁷ Những năm sau đó, đầu tư của Pháp

⁵ Nt.

⁶ Đinh Mạnh Tuấn, “Các hoạt động trên lĩnh vực FDI và ODA của Pháp tại Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 1/2001, tr.42.

⁷ Đoàn Tất Thắng, “Mối quan hệ kinh tế Việt – Pháp và nỗ lực nâng quan hệ hai nước lên tầm cao mới

tại Việt Nam vẫn được duy trì ở mức khá cao. Cho đến cuối 1996, tổng FDI của Pháp vào Việt Nam là 863,2 triệu USD, đứng thứ 9 trong số các nước và khu vực đầu tư ở Việt Nam, và là nước châu Âu đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam⁸

Năm 1997, trong khi hầu hết các nước đều giảm lượng FDI vào Việt Nam do khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á (1997 - 1999) thì dòng vốn FDI của Pháp vào Việt Nam lại tăng. Trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính khu vực, đầu tư của Pháp tăng dần, kỷ lục là năm 1997 với 21 dự án được cấp phép với tổng số vốn đăng ký 933,7 triệu USD⁹. Trong thời kỳ này, có một số dự án lớn như Hợp đồng Hợp tác kinh doanh cung cấp dịch vụ viễn thông giữa France Telecom với Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (vốn đăng ký 615 triệu USD), Liên doanh Đại siêu thị An Lạc (vốn đăng ký 35 triệu USD), Công ty TNHH Bayer Việt Nam sản xuất thuốc trừ sâu (vốn đăng ký 32,9 triệu USD), Công ty TNHH mía đường Bourbon Gia Lai (vốn đăng ký 25,5 triệu USD). Nguyên nhân là do các nhà đầu tư (đa số là Hàn Quốc và Hồng Kông) gặp khó khăn về tài chính, hơn nữa, mối quan hệ Pháp - Việt đang trên đà phát triển mạnh và Pháp cũng đã thu được những kết quả đầu tư thực sự những năm trước đó. Cũng trong

năm 1997, Tổng thống Pháp J. Chirac đã chính thức sang thăm Việt Nam, tham dự Hội nghị thượng đỉnh các nước có sử dụng tiếng Pháp lần thứ bảy được tổ chức tại Hà Nội. Sự kiện này đã thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa hai nước về nhiều mặt nói chung và đầu tư nói riêng chuyển sang một trang mới. Đến năm 1997, tổng số vốn FDI của Pháp ở Việt Nam lên tới 1.552 tỷ USD, Pháp trở thành nhà đầu tư châu Âu hàng đầu của Việt Nam và đứng thứ 6 trong số các nước có vốn đầu tư lớn nhất tại Việt Nam¹⁰

Trong hai năm 1998 và 1999, vị trí của Pháp tại Việt Nam vẫn tiếp tục được củng cố, cùng với việc được cấp giấy phép đầu tư, các công ty Pháp đã tích cực tham gia thực hiện các dự án quan trọng. Riêng trong năm 1999, Pháp có 12 dự án được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký gần 303 triệu USD, dẫn đầu trong số 38 nước và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào Việt Nam trong năm này, chưa kể các dự án của các nhà đầu tư Pháp nhưng đăng ký nguồn gốc lãnh thổ khác. Năm 1999, đầu tư của Pháp đã tăng lên 3,6 lần so với năm 1998¹¹. Đến lúc này, Pháp đã có 125 văn phòng đại diện, chiếm 4,5% trong tổng số 2.800 văn phòng nước ngoài tại Việt Nam. Ngoài ra còn có 5 chi nhánh ngân hàng, 5 hãng luật sư và kiểm toán của Pháp có mặt tại Việt Nam. Khu vực dự án này đã thực hiện được số vốn khoảng 506 triệu USD, tạo việc làm cho khoảng 7.600 lao động trực tiếp có doanh thu trên 650 triệu

mang tính chiến lược”, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 11/2001, tr.68.

⁸ Ban Tuyên giáo Trung ương, Trung tâm Thông tin công tác Tuyên giáo, Tài liệu tham khảo, *Cộng hòa Pháp và quan hệ Việt Nam - Pháp*, 2008, tr.23.

⁹ Phan Hữu Thắng, “Đầu tư của Pháp sẽ gia tăng”, Đặc san về quan hệ kinh tế Việt - Pháp (2007), báo Thế giới và Việt Nam, tr.54.

¹⁰ Đinh Mạnh Tuấn, *ttđd*, tr.43.

¹¹ Thời báo Kinh tế, “*Quan hệ hợp tác Việt - Pháp*”, 8/12/1999, tr.4.

USD¹² Tính đến cuối năm 1999, Pháp đã có trên 100 dự án còn hiệu lực, với số vốn đầu tư khoảng 1,6 tỷ USD, đứng hàng thứ bảy trong số các nước đầu tư tại Việt Nam.

Trong những năm 2000, 2001 và 2002, Pháp liên tục chiếm vị trí cao, đứng thứ sáu trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam. Các doanh nghiệp Pháp đã đạt doanh thu lên tới 1,2 tỷ USD, trong đó gần 200 triệu USD là từ xuất khẩu. Tính từ năm 1988 đến 2003, Pháp có gần 200 dự án và khoản đầu tư hơn 2,1 tỷ USD, tức 5,4% tổng giá trị các giấy phép được cấp trong thời kỳ này, đã tạo ra 10.440 việc làm¹³, góp phần quan trọng trong việc bổ sung nguồn vốn, mở rộng thị trường xuất khẩu, tiếp thu công nghệ tiên tiến và giải quyết vấn đề việc làm cho Việt Nam. Năm 2001, đầu tư vào Việt Nam của Pháp đạt mức cao, chủ yếu là do việc cấp giấy phép cho dự án BOT Nhà máy điện Phú Mỹ 2.2, có vốn đăng ký là 480 triệu USD, chiếm 97% tổng vốn đăng ký được cấp phép trong năm 2001¹⁴

Năm 2005, đầu tư của Pháp là 24,7 triệu USD với 23 dự án, vẫn tăng nhưng lại thấp hơn đầu tư của Hà Lan (33 triệu USD với 10 dự án), Đan Mạch (27 triệu USD với 9 dự án), đứng thứ ba trong các nước châu Âu đầu tư vào Việt Nam¹⁵ Mặc dù đầu tư của Pháp

chỉ đứng thứ ba trong các nước châu Âu đầu tư vào Việt Nam, song đầu tư của Pháp vào Việt Nam năm 2005 đã tăng gấp 4 lần so với năm 2004 (chỉ đạt 6,8 triệu USD)¹⁶

Các doanh nghiệp Pháp tiếp tục đầu tư vào Việt Nam trong năm 2006, với mức đầu tư lên tới 30,5 triệu USD¹⁷ Tính đến tháng 3/2006, Pháp đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn cam kết khoảng 2,2 tỷ Euro (trong đó đã thực hiện khoảng 1,19 tỷ Euro) cho trên 176 dự án¹⁸, đứng hàng thứ sáu trong tổng số 71 nước và vùng lãnh thổ đầu tư ở Việt Nam, với trên 200 doanh nghiệp¹⁹, đứng đầu trong số các nhà đầu tư châu Âu. Điều này cho thấy Pháp vẫn tiếp tục là một đối tác hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư. Năm 2006 có 230 doanh nghiệp Pháp đang hoạt động tại Việt Nam (một số doanh nghiệp có nhiều cơ sở trên khắp cả nước) với 24.000 nhân công, trong đó có 320 người Pháp. Phần lớn các doanh nghiệp này hoạt động dưới dạng văn phòng đại diện (37%), công ty liên doanh (21%) và các chi nhánh độc lập (17%)²⁰

Năm 2007, Pháp đứng đầu các nước châu Âu và đứng thứ chín trong tổng số 77 nước và lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Tính đến năm 2007, Pháp có 187 dự án còn hiệu

¹² Nt.

¹³ Thông tấn xã Việt Nam, “*Đầu tư của Pháp vào Việt Nam*”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 22/2002.

¹⁴ Phan Hữu Thắng, tldđ, tr.54.

¹⁵ Kỳ Thư, “*Nhóm hữu nghị Pháp - Việt của Hạ Viện Pháp thăm Việt Nam*”, <http://vietnamnet.vn/chinhtri>, 09/12/2006.

¹⁶ Nt.

¹⁷ Đoàn Hạnh, “*Nhìn lại quan hệ kinh tế Việt – Pháp*”, Báo Tài chính Việt Nam, số 2/10/2007.

¹⁸ Thuý Trang, “*Pháp, nhà đầu tư ngoài châu Á lớn nhất tại Việt Nam*”, Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 2/10/2007, tr.3.

¹⁹ Đoàn Hạnh, “*Nhìn lại quan hệ kinh tế Việt – Pháp*”, Báo Tài chính Việt Nam, số 2/10/2007, tr.2.

²⁰ Thuý Trang, tldđ, tr.3.

lực với 2,38 tỷ USD²¹ Đầu tư của Pháp tập trung chủ yếu vào dịch vụ (50% tổng vốn), công nghiệp (37% tổng vốn), còn lại là nông nghiệp.

Từ năm 1988 đến 2008, Pháp đã đầu tư vào Việt Nam tổng cộng là 296 dự án (hiện còn 187 dự án còn hiệu lực với tổng vốn thực hiện là 2,38 tỷ USD, trên tổng số vốn đăng ký 3.216,2 triệu USD)²² Có thể nói, đây là nước có số dự án và vốn đầu tư khá lớn, so với các nước trong Liên minh Châu Âu (Vương quốc Anh cũng trong thời gian từ 1988 – 2008 có 134 dự án với tổng số vốn là 2.711,1 triệu USD)²³

2. Cơ cấu đầu tư trực tiếp của Pháp tại Việt Nam (1993-2008)

Cơ cấu ngành đầu tư của Pháp ở Việt Nam tập trung chủ yếu vào công nghiệp nặng, giao thông, viễn thông, bưu điện. Đây là những lĩnh vực rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam (trong đó lĩnh vực viễn thông chiếm 33% đầu tư của Pháp, 22% tập trung trong lĩnh vực khách sạn và xây dựng hạ tầng, 19% trong khu vực công nghiệp, 13% trong khu vực nông nghiệp và 13% trong khu vực dịch vụ)²⁴.

Xét về đầu tư theo địa phương, đầu tư của Pháp được phân bố tương đối đồng đều trên 26 tỉnh thành trên lãnh thổ Việt Nam. Đa số đầu tư của Pháp tập trung tại miền Nam (thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu...) chiếm 87%, Hà Nội và các tỉnh miền Bắc chiếm 20%, miền Trung chiếm một tỷ lệ rất nhỏ là 2%²⁵ Điều này cho thấy, Pháp đã thực sự tin tưởng vào sự phát triển của Việt Nam, đồng thời đánh giá cao mối quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam và coi Việt Nam là một đối tác quan trọng của Pháp.

Về cơ cấu phân bổ FDI, viễn thông là lĩnh vực thu hút được sự quan tâm lớn nhất của các nhà đầu tư Pháp tại Việt Nam, chiếm 22% trong tổng số dự án với tổng số vốn lên tới gần 1 tỷ USD, tạo việc làm cho hơn 4.200 lao động²⁶ Đến nay Việt Nam đã có mạng viễn thông tương đối hiện đại, có thể sánh vai với các nước trong khu vực và trên thế giới về tốc độ phát triển, cho phép đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các dịch vụ viễn thông quốc tế, Internet..., trong đó có sự giúp đỡ đáng kể của đầu tư Pháp. Ngoài ra, đầu tư của Pháp còn tập trung vào các lĩnh vực: dầu khí, nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ... Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đứng thứ hai trong đầu tư của Pháp vào Việt Nam, với 62 dự án có tổng vốn đăng ký 812 triệu USD, tạo việc làm cho trên 4.500 lao động²⁷

²¹ Trần Thị Vinh, Trần Công Tý, "*Quan hệ kinh tế Pháp – Việt Nam sau Chiến tranh lạnh (1993 - 2007)*", Sách "*220 năm cách mạng Pháp (1789 - 2009) và quan hệ Việt - Pháp trong lịch sử*", NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.525.

²² Ban Tuyên giáo Trung ương, Trung tâm Thông tin công tác Tuyên giáo, Tài liệu tham khảo, *Cộng hoà Pháp và quan hệ Việt Nam – Pháp*, 2008, tr.23.

²³ Niên giám thống kê năm 2008, Tổng cục Thống kê.

²⁴ Xem chú thích 20.

²⁵ Nt.

²⁶ Tập san quan hệ Việt – Pháp của tuần báo Quốc tế 9/2000, tr.36.

²⁷ Ban Tuyên giáo Trung ương, tldđ, tr.22.

Xét về hình thức đầu tư, FDI của Pháp được thực hiện chủ yếu dưới hình thức công ty liên doanh (chiếm 54% tổng số dự án). Hình thức hợp đồng xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT), chiếm 29 % tổng dự án, với quy mô trung bình là 16,24 triệu USD/dự án, đạt mức tương đối cao so với bình quân chung²⁸ Ngoài hai hình thức đầu tư chủ yếu nêu trên, Pháp còn đầu tư vào Việt Nam dưới hai hình thức khác, đó là: công ty 100% vốn nước ngoài (chiếm 10% số dự án) và hợp đồng hợp tác kinh doanh (chiếm 7% số dự án)²⁹

Bên cạnh kênh hợp tác cấp nhà nước, hình thức hợp tác trực tiếp giữa các địa phương hai nước, còn gọi là hợp tác phi tập trung, cũng là hình thức khá đặc thù trong quan hệ Pháp - Việt. Trong vòng 15 năm trở lại đây, hình thức hợp tác này đã được nhân rộng và phát triển. Theo số liệu của Đại sứ quán Pháp, đã có 777 dự án đã kết thúc hoặc đang được triển khai, liên quan đến 464 đối tác Pháp và 208 đối tác Việt Nam tại 62/64 tỉnh, thành phố của Việt Nam³⁰ Việt Nam là nước nhận được viện trợ phát triển chính thức lớn thứ hai của các đơn vị hành chính địa phương Pháp, với khoản tài chính trị giá

3,69 triệu euro đầu tư năm 2006 trên tổng số 51,05 triệu euro tài trợ cho toàn thế giới³¹

3. Những đánh giá về đầu tư trực tiếp của Pháp tại Việt Nam (1993-2008)

Đầu tư nước ngoài mang lại lợi ích to lớn đối với cả nước đầu tư cũng như nước tiếp nhận đầu tư. Đối với nước Pháp, đầu tư sang Việt Nam giúp nâng cao hiệu quả sử dụng những lợi thế ở nơi tiếp nhận đầu tư, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao tỷ suất lợi nhuận của vốn đầu tư và xây dựng được thị trường cung cấp nguyên liệu ổn định, với giá cả phải chăng. Đối với Việt Nam nước tiếp nhận đầu tư, FDI giúp đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế thông qua việc tạo ra những doanh nghiệp mới, thu hút thêm lao động, giải quyết một phần nạn thất nghiệp ở trong nước, khắc phục tình trạng thiếu vốn kéo dài. Theo sau FDI là máy móc, thiết bị và công nghệ mới, giúp Việt Nam tiếp cận với khoa học – kỹ thuật mới. Các tổ chức sản xuất trong nước bắt kịp phương thức quản lý công nghiệp hiện đại, lực lượng lao động quen dần với phong cách làm việc công nghiệp, hình thành dần đội ngũ những nhà doanh nghiệp giỏi. FDI còn giúp tăng thu cho ngân sách Nhà nước. Thông qua hoạt động đầu tư trực tiếp, các công ty Pháp đã chuyển giao nhiều công nghệ hiện đại và kỹ năng đáp ứng nhu cầu phát triển của các nước thuộc thế giới thứ ba.

²⁸ Thời báo Kinh tế, “*Quan hệ hợp tác Việt – Pháp*”, 8/12/1999, tr.46.

²⁹ Đinh Mạnh Tuấn, tldđ, tr.46.

³⁰ Đại sứ quán Pháp (5/2010), “*Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 về hợp tác phi Chính phủ giữa Việt Nam và Pháp*”, Tài liệu giới thiệu hoạt động hợp tác của Pháp tại Việt Nam.

³¹ Ambassade de France au Vietnam (2005), “*La coopération franco-vietnamienne: faits et chiffres*”, les cahiers de la coopération française au Vietnam.

Tuy nhiên, kể từ sau khủng hoảng tài chính khu vực, dễ nhận thấy là đầu tư của Pháp vào Việt Nam từ năm 2000 đến 2008, hầu hết các dự án được cấp phép là các dự án quy mô nhỏ dưới 5 triệu USD, không kể dự án BOT nhà máy điện Phú Mỹ 2.2. Các dự án của Pháp có tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký chỉ đạt 49%, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước là 59%³² Tuy hiện đứng thứ chín trong danh sách các nước và lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, song điều này chưa thực sự tương xứng với tiềm năng kinh tế của Pháp cũng như mối quan hệ giữa hai nước³³

Qua nhiều năm hợp tác đầu tư giữa hai nước, đầu tư của Pháp đã có mặt ở nhiều tỉnh và thành phố trong nhiều lĩnh vực và dưới nhiều hình thức khác nhau, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới của Việt Nam. Năm 1995, khi Mỹ dỡ bỏ cấm vận với Việt Nam, số các công ty Pháp tìm tới Việt Nam tăng mạnh. Do quá kỳ vọng vào việc chinh phục thị trường có tới 80 triệu dân, có nguồn lao động dồi dào, rẻ và chất lượng của Việt Nam, các công ty Pháp đã không lường trước được sự phức tạp văn hoá và căn bệnh tham nhũng tại Việt Nam quốc gia với xuất phát điểm còn thấp do chiến tranh và nhiều năm quản lý kinh tế yếu kém. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á đã làm giảm hẳn sự nhiệt tình của các nhà đầu tư và nhiều công ty Pháp đã bỏ cuộc. Ông Nicolas Audier, Giám

đốc hãng luật Gide Loyrette Nouel của Pháp cho biết: *“Các công ty lớn khác cũng gặp phải những thất bại đáng kể tại Việt Nam mà họ chưa thể quên, thời gian đã thay đổi và một số hãng đã thành công, nhưng những thất bại tại Việt Nam vẫn ám ảnh”*³⁴ Theo Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam, trên thế giới đang có cuộc cạnh tranh đầu tư rất khốc liệt và Việt Nam cần phải nhìn nhận rằng môi trường đầu tư của Việt Nam chưa hấp dẫn³⁵ Vì vậy, nguồn vốn FDI vào Việt Nam nói chung và FDI của Pháp nói riêng đã có xu hướng chững lại.

Cũng như các nhà đầu tư nước ngoài khác, các nhà đầu tư Pháp cũng gặp không ít những khó khăn khi đầu tư vào Việt Nam. Ví dụ, hệ thống pháp luật điều hành nền kinh tế của Việt Nam chưa ổn định, hoàn chỉnh. Ngoài ra, tại các cơ quan và doanh nghiệp Việt Nam còn tồn tại một số hiện tượng tiêu cực, thói quen làm việc, lề lối hành chính, quan liêu... cũng là yếu tố gây cản trở quá trình đầu tư. Theo các nhà doanh nghiệp Pháp: *“Công việc kinh doanh ở Việt Nam hiện còn có khá nhiều thử thách và rủi ro... Môi trường luật pháp chưa hoàn chỉnh và thường xuyên thay đổi, hệ thống những quy định và chế độ quan liêu phiền hà. “Những khuyết tật lạ lùng” trong cung cách làm việc của cấp cơ sở”*³⁶ Đó là những trở ngại lớn

³² Phan Hữu Thắng, tldd, tr. 55.

³³ Trần Vũ Phương, *“Đầu tư trực tiếp của Pháp ở Việt Nam thời kỳ 1988 – 1996”*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 5/1996, tr.51.

³⁴ Thông tấn xã Việt Nam, *“Triển vọng hoạt động đầu tư của Pháp ở Việt Nam”*, số 5/10/2004, <http://www.vov.org.vn>

³⁵ Phương Ngọc Thạch, *“Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: Tồn tại và kiến nghị”*, Tạp chí Phát triển Kinh tế, tháng 10/2003.

³⁶ Thời báo Kinh tế, *“Quan hệ hợp tác Việt – Pháp”*, 8/12/1999, tr.2.

nhất đối với việc đầu tư của các công ty Pháp nói riêng và các doanh nghiệp phương Tây nói chung – những doanh nghiệp đã quen hoạt động trong một môi trường quy củ, với những luật chơi chặt chẽ, bài bản và xa lạ với tập quán kinh doanh đầy bất trắc ở Việt Nam. Điều này cũng lý giải vì sao các nước và lãnh thổ châu Á khác như Đài Loan, Singapore, Trung Quốc... luôn dẫn đầu trong đầu tư vào Việt Nam. Hiện nay, ngoại trừ một nhóm các công ty có tên tuổi như France Telecom, Electricite de France và Group Bourbon, nhiều công ty lớn của Pháp vẫn chưa có mặt tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, mặc dù Việt Nam đã có chính sách hội nhập kinh tế quốc tế tầm chiến lược, song một số chính sách trong ngắn hạn thường xuyên thay đổi, nhiều khi không nhất quán, thiếu ổn định, ảnh hưởng đến sự hấp dẫn của môi trường đầu tư (chính sách thuế, quy định về tỷ lệ nội địa hoá liên quan đến xuất khẩu...) nên chưa tạo cho bạn hàng Pháp lòng tin, yên tâm làm ăn lâu dài với các doanh nghiệp Việt Nam.

Hơn nữa, do trải qua khủng hoảng tài chính - tiền tệ, nên nhu cầu thu hút đầu tư nước ngoài của khu vực Đông Nam Á để tái thiết và phát triển nền kinh tế rất cấp bách. Các nước ở khu vực Đông Nam Á đều đưa ra những chính sách hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt, Trung Quốc là thị trường đầu tư có sức cạnh tranh rất mạnh từ khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại

Thế giới (WTO). Trong khi đó, chính sách đầu tư nước ngoài của Việt Nam còn nhiều hạn chế, lợi thế so sánh của Việt Nam bị kém đi rất nhiều. Quy mô của thị trường Việt Nam vẫn còn nhỏ so với nhiều nước châu Á khác nếu tính tổng thu nhập quốc dân (GDP) và thu nhập quốc dân tính theo đầu người, do đó các công ty lớn và đa quốc gia đến từ châu Âu nói chung và Pháp nói riêng, chỉ đánh giá Việt Nam là một thị trường nằm trong chiến lược châu Á của họ. Các công ty nhỏ rất thận trọng khi tiến hành đầu tư ngắn hạn, giảm mạnh các hoạt động đầu tư và một số muốn rút khỏi Việt Nam, số khác lại chưa coi thị trường Việt Nam là quan trọng trong giai đoạn này.

Kết luận

Đứng hàng thứ chín trong số các nước và vùng lãnh thổ có nguồn vốn đầu tư vào Việt Nam, Pháp hiện là nước châu Âu có quan hệ khăng khít với Việt Nam trên lĩnh vực FDI, tuy vẫn còn những trở ngại như cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, thủ tục hành chính, môi trường đầu tư và pháp lý chưa thuận lợi,... cần phải được cả hai bên cùng tháo gỡ, khắc phục. Trong thời gian tiếp theo, hoạt động của Pháp trong lĩnh vực FDI nói riêng và mối quan hệ trên tất cả các mặt nói chung sẽ duy trì và phát triển tốt đẹp theo phương châm: *hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, lâu dài và tin cậy trong thế kỷ XXI*.